TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **05/11/2018**
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Ông **Lê Đình Phong** - Kiểm sát viên.

Ngày **05** tháng **11** năm **2018,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 276/2018/TLST–HNGĐ ngày 28/8/2018 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐHPT – HNGĐ ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **NHT**, sinh năm 1966
Nơi đăng ký HKTT: thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội
Hiện cư trú tại: huyện Quốc Oai, TP Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Bà **ĐTM**, sinh năm 1966.
Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thị trấn Xuân Mai , huyện Chương Mỹ , Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà ĐTM: Luật sư NVĐ – Văn phòng Luật sư Hưng Giang – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt ông NHT, bà ĐTM, luật sư NVĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, bản khai và lời trình bày tại buổi hòa giải. Nguyên đơn - ông NHT trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Ông NHT kết hôn với bà ĐTM năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Xuân Mai , huyện Chương Mỹ , Thành phố Hà Nội ngày 14/12/1991. Sau khi kết hôn , vợ chồng chung sống với nhau tại khu tập thể Sư đoàn 308, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống , vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng 1 năm thì bà M đã dọa bỏ ông vì mâu thuẫn vợ chồng . Sau đó, vợ chồng bỏ qua và tiếp tục chung sống. Đến năm 2003, giữa vợ chồng nảy sinh bất đồng quan điểm sống, do bà M nắm toàn bộ kinh tế gia đình nhưng khi mẹ đẻ ông T bị bệnh nặng thì bà không qua n tâm. Giữa hai vợ chồng không có con nên không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, ông T thỉnh thoảng có việc mới về nhà , hai vợ chồng hoàn toàn không còn quan hệ gì với nh au nữa. Nay ông T nhận thấy tỉnh cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà M.

- *Về con chung:* Không có con chung.

- *Về con nuôi :* Quá trình chung sống , vợ chồng có nhận nuôi 01 con chung là anh NHT1, sinh ngày 18/01/1995. Nay anh T1 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

- *Về tài sản chung:* Ông NHT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – Bà ĐTM trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà M xác nhận thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau khi kết hôn như ông T trình bày. Bà M thừa nhận, sau khi kết hôn khoảng 1 năm có việc bà dọa ly hôn với ông T do lúc đó bà bực tức nhất thời. Bà M xác nhận việc bà nắm toàn bộ kinh tế trong gia đì nh, nhưng bà luôn chăm lo cho gia đình. Thời gian gần đây , bà M cho rằng ông T có người phụ nữ khác nên mới ở hẳn bên nội, thỉnh thoảng có việc ông T mới về nhà và hai vợ chồng vẫn sinh hoạt với nhau bình thường. Nay ông T xin ly hôn, bà M không đồng ý ly hôn. Bà M đề nghị ông T và bà cần có thêm thời gian để vợ chồng về chung sống cải thiện tình cảm và làm thụ tinh ống nghiệm để có con chung, nếu không có kết quả mà ông T cương quyết ly hôn thì bà nhất trí.

- *Về con chung:* Bà M và ông T không có con chung.

- *Về con nuôi :* Quá trình chung sống , vợ chồng có nhận nuôi 01 con chung là anh NHT1, sinh ngày 18/01/1995. Nay anh T1 đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, công sức:* Bà M nhất trí không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông NHT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà ĐTM. Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: Ông NHT không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà ĐTM có quan điểm đồng ý ly hôn với ông NHT. Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: Bà ĐTM không yêu cầu giải quyết.

- Luật sư NVĐ đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông NHT và bà ĐTM. Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng qui định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông NHT và bà ĐTM do tại phiên tòa bà M đồng ý ly hôn với ông T.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông NHT có hộ khẩu thường trú tại: thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ; hiện cư trú tại: huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội. Bị đơn - bà ĐTM đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ . Ông T xin ly hôn bà M, Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông NHT kết hôn với bà ĐTM năm 1991, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/1991 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Mai , huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông T thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau và không có con chung. Bà M cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì với n hau nên ban đầu bà M không đồng ý ly hôn . Tại phiên tòa, bà M đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy: Tại phiên tòa, bà ĐTM đồng ý ly hôn với ông NHT, việc đồng ý ly hôn của bà M tại phiên tòa là tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông NHT và bà ĐTM.

[2.2] Về con chung, tài sản chung: Ông NHT và bà ĐTM đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về con nuôi: Ông NHT và bà ĐTM có nhận nuôi 01 con chung là anh NHT1, sinh ngày 18/01/1995. Anh T1 đã trưởng thành , không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

[3]Về án phí: Ông NHT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông NHT và bà ĐTM.

2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Ông NHT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông NHT đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003571 ngày 27/8/2018*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Ông NHT, bà ĐTM có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND thị trấn Xuân Mai, H.Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Trọng **Nguyễn Thị Thanh Hà** **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA